

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN



**QUY TRÌNH THỰC HÀNH CHĂN NUÔI TỐT
CHO CHĂN NUÔI GIA CẦM AN TOÀN TẠI VIỆT NAM**

**Good Animal Husbandry Practices
for Poultry in Vietnam**

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2008

Luật bản quyền (Copyright) : ©VietGAHP

VietGAHP được bảo vệ theo Luật bản quyền. Ngoại trừ những điều khoản cho phép được ghi trong Luật bản quyền, cấm in ấn VietGAHP dưới bất cứ hình thức nào nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Copyright protects this publication. Except for purposes permitted by the Copyright Act, this document is protected and any other reproduction by whatsoever means is prohibited without the prior written permission of the Ministry of Agriculture & Rural Development.

QUY TRÌNH

Thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi gia cầm an toàn tại Việt Nam (VietGAHP)
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1504/QĐ-BNN-KHCN ngày 15 tháng 5 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Chương I

NHỮNG QUI ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- 1.1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này khuyến khích áp dụng để chăn nuôi gia cầm an toàn nhằm ngăn ngừa và hạn chế các rủi ro từ các mối nguy cơ gây ô nhiễm ảnh hưởng đến sự an toàn, chất lượng sản phẩm gia cầm, môi trường, sức khỏe, an toàn lao động và phúc lợi xã hội cho người lao động.
- 1.2. Đối tượng áp dụng: Quy trình này áp dụng đối với các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước tham gia sản xuất, kinh doanh, kiểm tra và chứng nhận chăn nuôi gia cầm trên lãnh thổ Việt Nam nhằm:
 - 1.2.1. Đảm bảo sản xuất thịt và các sản phẩm gia cầm đạt tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm: không tồn dư chất độc hại và vi sinh vật quá ngưỡng cho phép.
 - 1.2.2. Tăng cường trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân trong sản xuất và quản lý an toàn thực phẩm.
 - 1.2.3. Tạo điều kiện để các trang trại chăn nuôi gia cầm thực hiện sản xuất và được chứng nhận GAHP.
 - 1.2.4. Đảm bảo tính minh bạch, truy nguyên được nguồn gốc sản phẩm.
 - 1.2.5. Nâng cao chất lượng và hiệu quả cho chăn nuôi gia cầm tại Việt Nam.

2. Giải thích từ ngữ

- 2.1. Thực hành chăn nuôi tốt (gọi tắt là VietGAHP: Vietnamese Good Animal Husbandry Practices) là những nguyên tắc, trình tự, thủ tục hướng dẫn tổ chức, cá nhân sản xuất áp dụng trong chăn nuôi nhằm đảm bảo gia cầm được nuôi dưỡng để đạt được các yêu cầu về chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo phúc lợi xã hội, sức khỏe người sản xuất và người tiêu dùng, bảo vệ môi trường và truy nguyên nguồn gốc sản phẩm.
- 2.2. An toàn sinh học trong chăn nuôi là các biện pháp kỹ thuật nhằm ngăn ngừa và hạn chế sự lây nhiễm của các tác nhân sinh học xuất hiện tự nhiên hoặc do con người tạo ra gây hại đến con người, gia súc và hệ sinh thái.
- 2.3. Chất thải trong chăn nuôi bao gồm chất thải rắn, chất thải lỏng và chất thải khí. Chất thải rắn gồm phân, thức ăn rơi vãi trong chăn nuôi, xác vật nuôi bị chết,

các thành phần của động vật như phủ tạng, da, lông, móng, các bao bì thức ăn, bao bì chứa động vật và sản phẩm động vật chưa qua chế biến, bao bì thuốc thú y, kim tiêm, ống tiêm. Chất thải lỏng gồm nước phân, nước vệ sinh chuồng trại, nước rửa dụng cụ, phương tiện vận chuyển, các chất thải ra từ thuốc thú y lỏng, hoá chất lỏng và dung dịch xử lý chuồng trại. Chất thải khí gồm mùi hôi chuồng trại và các loại mùi, khí sinh ra trong quá trình chăn nuôi.

Chương II

NỘI DUNG QUY TRÌNH THỰC HÀNH CHĂN NUÔI TỐT CHO CHĂN NUÔI GIA CẦM AN TOÀN TẠI VIỆT NAM

1. Địa điểm

- 1.1. Lựa chọn địa điểm: Vị trí xây dựng chuồng trại phải phù hợp với quy hoạch tổng thể của khu vực và của địa phương.
 - 1.1.1. Cách xa đường giao thông, khu dân cư, khu công nghiệp, công sở, trường học, khu chế biến sản phẩm chăn nuôi, bệnh viện, khu chăn nuôi khác và xa hệ thống kênh mương thoát nước thải của khu vực theo quy định hiện hành.
 - 1.1.2. Ở cuối và cách xa nguồn nước sinh hoạt, có nguồn nước sạch và đủ trữ lượng cho chăn nuôi. Đảm bảo đủ diện tích và điều kiện xử lý chất thải, nước thải theo quy định.
- 1.2. Bố trí mặt bằng phải đảm bảo diện tích về quy mô chăn nuôi, các khu phụ trợ khác (hành chính, cách ly và xử lý môi trường.....).
- 1.3. Bố trí khu chăn nuôi:
 - 1.3.1. Bố trí khu chăn nuôi đầu hướng gió. Có nhà tắm, thay quần áo cho người lao động trước khi vào khu chăn nuôi.
 - 1.3.2. Khu nuôi tân đáo, khu nuôi cách ly, xử lý gia cầm ốm, chết, chứa phân, bể xử lý chất thải bố trí ở cuối hướng gió và cách biệt với khu chăn nuôi chính.
 - 1.3.3. Nơi xuất bán gia cầm nằm ở khu vực vành đai của trại, có lối đi riêng đảm bảo an toàn dịch bệnh
 - 1.3.4. Bể chứa phân bố trí ở phía ngoài hàng rào của khu chăn nuôi, gần khu xử lý chất thải.
- 1.4. Bố trí khu hành chính: Các công trình của khu hành chính gồm văn phòng, nhà làm việc, khu vệ sinh và nhà ở cho cán bộ nhân viên (nếu có) phải đặt ở bên ngoài hàng rào khu chăn nuôi.
- 1.5. Bố trí khu nhà xưởng và công trình phục vụ chăn nuôi: kho chứa thức ăn, kho chứa thuốc thú y, thuốc sát trùng, kho chứa các dụng cụ chăn nuôi, xưởng cơ khí sửa chữa phải được bố trí riêng biệt với khu chuồng trại chăn nuôi gia cầm và khu hành chính.

2. Thiết kế chuồng trại, kho và thiết bị chăn nuôi

2.1. Thiết kế chuồng trại

- 2.1.1. Kiểu chuồng: Chuồng hở: Thông thoáng tự nhiên, gia cầm nuôi trên nền có chất độn hoặc trên sàn. Chuồng kín: Có hệ thống thông gió và điều tiết nhiệt độ, ẩm độ (nuôi trên nền hoặc sàn).
- 2.1.2. Nền chuồng: Không trơn, dễ thoát nước, vững chắc, khô ráo và dễ làm vệ sinh, tiêu độc.
- 2.1.3. Mái chuồng: Có kết cấu 1 hoặc 2 mái (mái chông diêm) hoặc có tấm lợp 3 lớp. Không bị dột, nát, bảo đảm che mưa, nắng cho gia cầm.
- 2.1.4. Vách chuồng: Chuồng úm gia cầm con cần xây cao, có trần để đảm bảo giữ nhiệt trong mùa đông. Chuồng nuôi gia cầm giò, hậu bị, sinh sản cần thông thoáng, có ánh sáng mặt trời chiếu vào để diệt khuẩn, làm khô chất độn chuồng và thông khí, giúp tăng cường hấp thu canxi kích thích sinh trưởng cho gia cầm.

2.2. Thiết kế khu chăn nuôi

- 2.2.1. Khu chăn nuôi chính: Khu nuôi gia cầm con bố trí ở đầu hướng gió, tiếp theo là khu gia cầm giò, hậu bị và sinh sản. Cần có hàng rào phân cách giữa các khu chăn nuôi.
 - 2.2.2. Khu nuôi tân đáo: Cách biệt với khu chăn nuôi chính. Gia cầm nhận từ nơi khác về phải nuôi cách ly để theo dõi tình hình sức khỏe, bệnh tật trước khi nhập vào trại.
 - 2.2.3. Khu nuôi cách ly gia cầm bị bệnh: Ở vị trí thấp hơn, hoặc cuối hướng gió chính so với khu nuôi gia cầm khỏe mạnh và kho chứa thức ăn.
 - 2.2.4. Khu xử lý chất thải: Ở phía cuối nơi có địa thế thấp nhất của trại chăn nuôi. Có đường thoát nước theo hệ thống chuồng nuôi. Nhà ủ phân có nền cao ủ theo nguyên lý nhiệt sinh học.
 - 2.2.5. Khu tiêu huỷ, chôn, đốt xác gia cầm chết đặt ở cuối hướng gió, cuối trại và cách xa khu chăn nuôi. Nên có lò thiêu xác gia cầm hiện đại hoặc thô sơ tùy thuộc vào quy mô trang trại.
 - 2.2.6. Nhà xưởng và công trình phụ (kho chứa thức ăn, kho chứa thuốc thú y, thuốc sát trùng, kho chứa các dụng cụ chăn nuôi, xưởng sửa chữa cơ khí, khu nuôi cách ly, khu xử lý chất thải) phải được bố trí riêng biệt với chuồng trại chăn nuôi.
- 2.3. Thiết kế hệ thống vệ sinh sát trùng: Tùy thuộc vào hệ thống chăn nuôi hiện có của trại để thiết kế hệ thống vệ sinh sát trùng thích hợp nhằm làm giảm thiểu tối đa sự lây lan của mầm bệnh.
- 2.4. Thiết kế kho
- 2.4.1. Kho chứa thức ăn và nguyên liệu phải đảm bảo thông thoáng, có hệ thống thông gió tốt, không bị dột, tạt nước khi mưa gió để đảm bảo không bị ẩm mốc. Kho phải có các kệ kê để thức ăn và nguyên liệu không tiếp xúc xuống sàn nhà.

Thức ăn/nguyên liệu được chất thành từng cột và chiều cao cột vừa phải để thuận tiện trong việc phòng cháy chữa cháy và bốc dỡ.

- 2.4.2 Kho chứa thuốc thú y, thuốc sát trùng phải đảm bảo thông thoáng, có hệ thống thông gió tốt, không bị dột, tạt nước khi mưa gió. Có kho lạnh, tủ lạnh để bảo quản vắc xin và một số loại kháng sinh yêu cầu được bảo quản lạnh. Phải có sơ đồ vị trí các loại thuốc trong kho và ghi chép theo dõi xuất nhập thuốc để tránh tình trạng có lô thuốc để quá hạn sử dụng.
- 2.4.3 Các loại hóa chất như dầu máy, thuốc diệt chuột, thuốc sát trùng... không được để lẫn trong kho chứa thức ăn.
- 2.4.4 Kho chứa các vật dụng khác và xưởng cơ khí : Các dụng cụ chăn nuôi chưa được sử dụng cần được bảo quản trong kho sạch sẽ, tránh lây nhiễm trước khi sử dụng. Tùy theo quy mô trại nên có một xưởng cơ khí để sửa chữa, lắp đặt chuồng trại và các trang thiết bị.

2.5 Thiết bị chăn nuôi

- 2.5.1 Nhóm thiết bị, dụng cụ chứa thức ăn, nước uống: Máng chứa thức ăn, nước uống phải được làm bằng nhựa trơ, không độc; kim loại hay hợp kim ít bị ăn mòn, không chứa chì, arsen.
- 2.5.2. Trang bị bảo hộ lao động: Trang bị bảo hộ lao động riêng biệt cho công nhân trại và khách tham quan. Trang bị bảo hộ phải được khử trùng và cất giữ đúng nơi khô ráo.
- 2.5.3. Thiết bị khác gồm đèn chiếu sáng hay sưởi ấm phải có mũ chụp, quạt làm thông thoáng được đặt ở vị trí hướng gió thổi từ nơi sạch đến nơi bẩn.

3. Con giống và quản lý giống

- 3.1. Nguồn gốc con giống: Con giống phải có nguồn gốc rõ ràng, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép sản xuất.
- 3.2. Chất lượng con giống : Chất lượng con giống phải đảm bảo theo đúng quy định hiện hành.
- 3.3. Quản lý con giống: Quản lý giống phù hợp theo quy trình kỹ thuật hiện hành.

4. Quản lý nguyên liệu/thức ăn, nước uống và nước vệ sinh

- 4.1. Thức ăn:
 - 4.1.1. Nguyên liệu và thức ăn thành phẩm khi nhập kho bảo quản phải có âm độ theo quy định hiện hành.
 - 4.1.2. Định kỳ xông hơi kho nguyên liệu, thành phẩm bằng các loại thuốc sát trùng không khí để bảo đảm an toàn dịch bệnh, ngăn ngừa sự phá hoại của sâu mọt, nấm mốc.
 - 4.1.3. Thường xuyên hoặc đột xuất kiểm tra phân tích các chất cấm, kháng sinh trong thức ăn mua để tránh tồn dư hóa chất độc hại trong sản phẩm chăn nuôi.
 - 4.1.4. Khi xuất nhập nguyên liệu và thức ăn phải ghi đầy đủ các thông tin về số lượng, tên hàng, nguồn gốc, ngày sản xuất, hạn sử dụng, đánh giá cảm quan, mùi vị...

Khi đưa vào kho bảo quản, phải đặt đúng vị trí. Chú ý đảm bảo nguyên tắc vào trước ra trước, vào sau ra sau.

- 4.1.5. Nguyên liệu và thức ăn phải được lưu mẫu cho đến khi sản phẩm được sử dụng mà không có sự cố nào.
- 4.1.6. Kiểm tra các thông tin khi giao nhận nguyên liệu, thức ăn hỗn hợp đảm bảo nguyên liệu sử dụng có chất lượng tốt.
- 4.1.7. Thức ăn hỗn hợp, thức ăn tự trộn và thức ăn có trộn thuốc phải phối trộn theo hướng dẫn, bảo quản nơi thoáng mát và lưu hồ sơ.
- 4.2. Nước uống:
 - 4.2.1. Nguồn nước và nước uống phải đạt được các tiêu chuẩn đã được quy định trong tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN).
 - 4.2.2. Kiểm tra thường xuyên hệ thống cấp nước gồm bồn chứa nước, ống dẫn, máng uống, núm uống để đảm bảo hệ thống không bị hỏng, không bị rò rỉ, không bị ô nhiễm bởi bụi bặm, chất bẩn... Bồn chứa nước nên có mái che để tránh nước bị nóng do nhiệt từ mặt trời.
- 4.3. Nước vệ sinh: Nước vệ sinh có thể sử dụng nước máy, nước giếng khoan, nước giếng khơi; không được sử dụng nước ao bị nhiễm khuẩn (ô nhiễm) hoặc nước thải.

5. Quản lý đàn gia cầm

- 5.1. Nhập gia cầm
 - 5.1.1 Gia cầm nhập vào trang trại phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, tiêm phòng vắc xin. Tốt nhất nên nhập từ các cơ sở đã có chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh.
 - 5.1.2 Gia cầm mới nhập trại phải đưa vào khu cách ly để nuôi thích nghi. Ghi nhận lại tất cả các biểu hiện bệnh tật của gia cầm trong quá trình nuôi thích nghi.
 - 5.1.3 Sau khi nhập gia cầm phải lên kế hoạch tiêm phòng cho đàn gia cầm.
- 5.2. Xuất gia cầm
 - 5.2.1. Cần phải bố trí khu vực xuất bán gia cầm ở phía cuối trại và có lối đi riêng để hạn chế lây nhiễm cho toàn trại.
 - 5.2.2. Cần phải tuân thủ tuyệt đối thời gian ngưng thuốc trước khi xuất bán để đảm bảo gia cầm không tồn dư kháng sinh khi giết thịt.
 - 5.2.3. Cần cung cấp hồ sơ (nguồn gốc, tình hình điều trị, lý lịch..) của tất cả các loại gia cầm khi bán cho người mua.
- 5.3. Vận chuyển gia cầm: Sử dụng phương tiện, mật độ vận chuyển thích hợp để hạn chế tối đa stress cho gia cầm.

6. Quản lý dịch bệnh

- 6.1. Giám sát dịch bệnh: Lập kế hoạch tiêm phòng vắc xin, theo dõi tình hình dịch bệnh, lấy mẫu huyết thanh xét nghiệm... để có biện pháp xử lý thích hợp.
- 6.2. Thực hiện việc tiêm phòng vaccin cho đàn gia cầm theo lịch đã quy định.

- 6.3. Khi điều trị bệnh, cần ghi chép thông tin đầy đủ về dịch bệnh, tên thuốc, liều lượng, lý do dùng, thời gian dùng, trọng lượng gia cầm, người tiêm, thời điểm ngưng thuốc. Không bán gia cầm trong thời gian trị bệnh và cách ly thuốc.
- 6.4. Các bước xử lý nếu xảy ra dịch bệnh:
 - 6.4.1. Đối với những bệnh thông thường có thể xử lý được: Cách ly ngay khu vực xảy ra dịch bệnh. Tăng cường phun thuốc sát trùng, vệ sinh chuồng trại và khu vực xung quanh.
 - 6.4.2. Khi xác định là dịch bệnh nguy hiểm, bệnh lây sang người: Phải báo cáo ngay với các cơ quan chức năng và làm theo hướng dẫn trực tiếp của cơ quan thú y có thẩm quyền. Tuân thủ chế độ cách ly, không tự ý đưa gia cầm ra khỏi khu vực có dịch. Cán bộ, công nhân làm việc trong khu vực có dịch phải tuân thủ nghiêm chỉnh quy định của nhà nước về vùng có dịch.
- 6.5. Khi phát hiện gia cầm chết phải báo với cán bộ kỹ thuật để có biện pháp xử lý.

7. Bảo quản và sử dụng thuốc thú y

- 7.1. Vắc xin và một số kháng sinh phải được bảo quản lạnh theo hướng dẫn, chỉ lấy ra khi sử dụng.
- 7.2. Mỗi loại thuốc để riêng một khu vực và không để lẫn vào nhau, đặc biệt là đối với các loại thuốc có tính đối kháng nhau.
- 7.3. Ghi chép việc xuất nhập kho từng loại thuốc, chủng loại thuốc, thời hạn sử dụng để sử dụng đúng hạn, tránh lãng phí.
- 7.4. Cần phải có kế hoạch cụ thể về việc sử dụng vắc xin và thuốc thú y cho trại và phải lập bảng kế hoạch sử dụng thuốc.

8. Quản lý chất thải và bảo vệ môi trường

- 8.1. Chất thải rắn phải được thu gom hàng ngày và vận chuyển đến nơi tập trung để xử lý, tránh gây mùi khó chịu cho dân cư sống lân cận và sinh ruồi nhặng. Thường xuyên thay đổi chất độn chuồng. Nếu chăn nuôi theo quy trình “cùng vào cùng ra” thì phải thay đổi toàn bộ chất độn chuồng khi kết thúc lứa gia cầm.
- 8.2. Chất thải lỏng phải được thải trực tiếp vào khu xử lý chất thải, không được cho chảy ngang qua các khu chăn nuôi khác hay trực tiếp ra môi trường. Nước thải sau khi xử lý phải đạt được tiêu chuẩn theo quy định hiện hành.
- 8.3. Lắp đặt hệ thống phân loại, tách chất thải rắn và lỏng riêng biệt nhằm giúp cho việc xử lý được dễ dàng và đạt hiệu quả cao. Phải xây dựng một hệ thống thoát nước nhằm tách nước mưa ra khỏi nước thải chăn nuôi gia cầm.
- 8.4. Hạn chế sử dụng nước rửa chuồng, sử dụng khẩu phần cân đối các chất dinh dưỡng, bổ sung các chế phẩm vi sinh để giảm mùi hôi nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường.
- 8.5. Gia cầm chết do bệnh hoặc không rõ lý do đều không được bán ra ngoài thị trường và không được thải gia cầm chết ra môi trường xung quanh.

9. Kiểm soát côn trùng, loài gặm nhấm và động vật khác

- 9.1. Dùng vôi bột hay thuốc sát trùng để kiểm soát côn trùng trong khu vực trại.
- 9.2. Hướng dẫn chi tiết chương trình kiểm soát gặm nhấm của trại. Bảng hướng dẫn kiểm soát gặm nhấm của trại phải được in ra và đưa cho người trực tiếp chịu trách nhiệm thực hiện. Phải có sơ đồ chi tiết vị trí đặt bả, bẫy chuột để kiểm soát các rủi ro. Ghi chép lại số lượng chuột bị diệt, thường xuyên kiểm tra để xử lý chuột chết khi đặt bả chuột.
- 9.3. Không được nuôi chim, chó, mèo và bất kỳ động vật nào khác trong khu chăn nuôi gia cầm.

10. Quản lý nhân sự

- 10.1. An toàn lao động
 - 101.1. Người được giao nhiệm vụ quản lý và sử dụng hoá chất phải có kiến thức và kỹ năng về hóa chất và kỹ năng ghi chép.
 - 101.2. Tổ chức và cá nhân sản xuất phải cung cấp trang thiết bị cho người lao động. Khi có tai nạn lao động do hoá chất phải thực hiện các biện pháp sơ cứu cần thiết và đưa đến bệnh viện gần nhất.
 - 101.3. Phải có tài liệu hướng dẫn các bước sơ cứu và dán tại kho chứa hoá chất.
- 10.2. Điều kiện làm việc
 - 10.2.1. Nhà làm việc thoáng mát, mật độ người làm việc hợp lý.
 - 10.2.2. Điều kiện làm việc phải đảm bảo và phù hợp với sức khỏe người lao động.
 - 10.2.3. Người lao động phải được cung cấp quần áo bảo hộ.
 - 10.2.4. Các phương tiện, trang thiết bị, dụng cụ (các thiết bị điện và cơ khí) phải thường xuyên được kiểm tra, bảo dưỡng nhằm tránh rủi ro gây tai nạn cho người sử dụng.
 - 10.2.5. Phải có quy trình thao tác an toàn nhằm hạn chế tối đa rủi ro do di chuyển hoặc nâng vác các vật nặng.
- 10.3. Phúc lợi xã hội của người lao động
 - 10.3.1. Tuổi lao động phải phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam.
 - 10.3.2. Khu nhà ở cho người lao động phải phù hợp với điều kiện sinh hoạt và có những thiết bị, dịch vụ cơ bản.
 - 10.3.3. Lương, thù lao cho người lao động phải hợp lý, phù hợp với pháp luật về lao động của Việt Nam.
- 10.4. Đào tạo và tập huấn:
 - 10.4.1. Trước khi làm việc, người lao động phải được thông báo về những nguy cơ liên quan đến sức khỏe và điều kiện an toàn.
 - 10.4.2. Người lao động phải hiểu rõ và tuân thủ nội quy của trại và được tập huấn về các kỹ năng chăn nuôi, các quy định về vệ sinh an toàn, những hướng dẫn mới cần triển khai áp dụng. Phải có tài liệu và ghi chép các chương trình tập huấn.

11. Ghi chép lưu trữ hồ sơ, truy nguyên nguồn gốc và thu hồi sản phẩm

- 11.1. Tổ chức và cá nhân chăn nuôi gia cầm phải ghi chép đầy đủ nhật ký sản xuất, nhật ký về hoá chất, nguyên liệu thức ăn, thức ăn chăn nuôi và mua bán sản phẩm.
- 11.2. Hệ thống sổ sách ghi chép của trại phải thể hiện được: số gia cầm bán ra, nhập vào; năng suất chăn nuôi; kiểm tra hàng ngày về tình hình sức khỏe đàn gia cầm, bệnh tật, nguyên nhân; tất cả các kết quả kiểm tra, xét nghiệm của phòng thí nghiệm; giấy chứng nhận nguồn gốc của gia cầm nhập vào trại; nơi mua gia cầm; tình hình sử dụng vắc xin và sử dụng thuốc điều trị bệnh.
- 11.3. Sổ ghi chép phải được lưu lại ít nhất 1 năm kể từ ngày đàn gia cầm được bán hay chuyển đi nơi khác, hoặc lâu hơn nếu có yêu cầu của khách hàng hoặc cơ quan quản lý.
- 11.4. Tổ chức và cá nhân sản xuất theo GAHP phải tự kiểm tra hoặc thuê kiểm tra viên kiểm tra nội bộ xem việc thực hiện sản xuất, ghi chép và lưu trữ hồ sơ đã đạt yêu cầu chưa. Nếu chưa đạt yêu cầu thì phải có biện pháp khắc phục và phải được lưu trong hồ sơ.
- 11.5. Sản phẩm sản xuất theo GAHP phải được ghi rõ mã số của từng chuồng. Vị trí và mã số của chuồng phải được lập hồ sơ và lưu trữ để giúp việc truy nguyên nguồn gốc được dễ dàng.
- 11.6. Mỗi khi xuất chuồng, phải ghi chép rõ thời gian, nơi nhận và lưu giữ hồ sơ cho từng lứa gia cầm của từng chuồng .
- 11.7. Khi phát hiện gia cầm bị bệnh, phải cách ly và ngừng xuất chuồng. Nếu đã bán, phải thông báo ngay tới người mua.
- 11.8. Điều tra nguyên nhân gây bệnh và thực hiện các biện pháp ngăn ngừa lây nhiễm bệnh, đồng thời có hồ sơ ghi chép nguyên nhân gây bệnh và biện pháp xử lý.

12. Kiểm tra nội bộ

- 12.1. Trang trại phải tiến hành kiểm tra nội bộ ít nhất mỗi năm một lần.
- 12.2. Việc kiểm tra phải được thực hiện bằng bảng kiểm tra đánh giá; sau khi kiểm tra xong nhà sản xuất hoặc kiểm tra viên có nhiệm vụ ký vào bảng kiểm tra đánh giá. Bảng tự kiểm tra đánh giá, bảng kiểm tra (đột xuất, định kỳ) của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải được lưu trong hồ sơ.
- 12.3. Chủ các trang trại sản xuất phải tổng kết và báo cáo kết quả kiểm tra cho cơ quan quản lý chất lượng khi có yêu cầu.

13. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại

- 13.1. Tổ chức, cá nhân chăn nuôi phải có mẫu đơn khiếu nại khi khách hàng yêu cầu.

13.2. Trong trường hợp có khiếu nại, nhà sản xuất phải có trách nhiệm giải quyết theo quy định của pháp luật và lưu đơn thư khiếu nại cũng như kết quả giải quyết vào trong hồ sơ.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Bùi Bá Bổng

Bảng Kiểm tra đánh giá

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1504 /QĐ-BNN-KHCN ngày 15 tháng 5 năm 2008
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn)

Mức độ A = Bắt buộc thực hiện; B = Khuyến khích thực hiện

STT	Thực hành	Mức độ	Có	Không	Yêu cầu điều chỉnh
1. Địa điểm					
1	Vị trí xây dựng trang trại có phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của địa phương không?	A			
2	Khoảng cách từ trang trại đến khu dân cư, các công trình xây dựng khác, đến nguồn nước có đúng với các quy định hiện hành không?	A			
3	Trang trại có được thiết kế gồm các khu vực khác nhau không? Giữa các khu có tường rào ngăn cách không?	A			
2. Thiết kế chuồng trại, kho và thiết bị chăn nuôi					
4	Hướng, kích thước, kiểu chuồng, nền chuồng, mái chuồng, vách chuồng... của chuồng trại có hợp lý không?	B			
5	Chuồng trại cho các đối tượng gia cầm khác nhau có tuân thủ quy định của nhà nước không?	B			
6	Khu hành chính (văn phòng, nhà làm việc, khu vệ sinh...) có đặt ngoài hàng rào khu chăn nuôi không?	A			
7	Nhà xưởng và kho (kho chứa thức ăn, kho thuốc thú y, thuốc sát trùng, kho chứa các dụng cụ chăn nuôi, xưởng cơ khí sửa chữa, khu cách ly, khu xử lý chất thải...) có	A			

	bố trí riêng biệt không?				
8	Hệ thống vệ sinh sát trùng chuồng trại có thích hợp để giảm thiểu tối đa sự lây lan của mầm bệnh không?	A			
9	Kho chứa nguyên liệu và thức ăn có được xây dựng hợp lý và hợp vệ sinh không? Các nguyên liệu và thức ăn khi nhập kho bảo quản có đúng theo tiêu chuẩn quy định chưa?	A			
10	Kho chứa thuốc thú y, thuốc sát trùng có được xây dựng thông thoáng, không bị dột, tạt nước khi mưa gió không ?	A			
11	Có kho lạnh, tủ lạnh để bảo quản vắc xin và một số loại kháng sinh yêu cầu được bảo quản lạnh không ?	A			
12	Có sơ đồ vị trí các loại thuốc trong kho và ghi chép theo dõi xuất nhập thuốc để tránh tình trạng có lô thuốc để quá hạn sử dụng không?	B			
13	Thiết bị chăn nuôi, dụng cụ chứa thức ăn, nước uống... có đầy đủ và hợp vệ sinh không?	A			
14	Trang bị bảo hộ có được khử trùng và cất giữ đúng nơi quy định không?	A			
15	Có quần áo, giày ủng, nơi tắm rửa, khử trùng, thay quần áo cho công nhân và khách tham quan không?	A			
3.Con giống và quản lý giống					
16	Con giống có nguồn gốc rõ ràng không? Lúc mua có nhận đủ hồ sơ không?	A			
17	Chất lượng con giống có bảo đảm	A			

	đúng quy định hiện hành không?				
18	Quản lý con giống có phù hợp theo quy định hiện hành không?	B			
4. Quản lý thức ăn và nước uống					
19	Có thường xuyên giám sát các nguy cơ sinh học, hóa học, vật lý có thể ảnh hưởng đến chất lượng nguyên liệu thức ăn không?	A			
20	Có kiểm tra các thông tin về nguyên liệu và kiểm tra khi giao nhận không?	A			
21	Có thường xuyên kiểm tra chất cấm, kháng sinh khi mua không?	A			
22	Nếu dự trữ nguyên liệu, kho chứa có đủ tiêu chuẩn không?	B			
23	Có ghi chép và lập hồ sơ trộn thức ăn, sử dụng thức ăn, loại thuốc trộn, liều lượng, thời gian sử dụng thức ăn có trộn thuốc ... vào sổ nhật ký không?	A			
24	Có kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất nguồn nước uống dùng cho chăn nuôi không?	A			
25	Có kiểm tra thường xuyên hệ thống cấp nước không?	B			
26	Nước rửa chuồng, vệ sinh có cho chảy ngang qua những khu chuồng khác không?	A			
5. Quản lý đàn					
27	Gia cầm nhập vào tại có giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, tiêm phòng vắc xin không?	A			
28	Có tuân thủ quy trình nhập đàn như nuôi cách lý, tiêm phòng, sát trùng chuồng trại, lên kế hoạch tiêm phòng... cho đàn gia cầm mới nhập về không?	A			
29	Trước khi xuất giết thịt có kiểm	A			

	tra về tình hình bệnh, sử dụng kháng sinh và tuân thủ thời gian ngừng thuốc không?				
6. Quản lý dịch bệnh					
30	Có chương trình quản lý sức khỏe cho đàn gia cầm không?	A			
31	Trong trường hợp điều trị bệnh, có ghi chép đầy đủ về dịch bệnh, tên thuốc, liều lượng, lý do dùng, thời gian dùng, trọng lượng, người tiêm, thời điểm ngưng thuốc không?	A			
32	Khi dịch bệnh xảy ra, có báo cáo ngay với các cơ quan chức năng và làm theo hướng dẫn của cơ quan thú y khi có dịch bệnh không?	A			
7. Bảo quản và sử dụng thuốc thú y					
33	Vắc xin và thuốc có được bảo quản tốt không? Có ghi chép việc nhập kho từng loại thuốc không?	A			
8. Quản lý chất thải và bảo vệ môi trường					
34	Chất thải rắn có được thu gom hàng ngày và vận chuyển đến nơi xử lý không?	A			
35	Chất thải lỏng có qua bể lắng sinh học và có chảy trực tiếp vào khu xử lý, không chảy qua khu chăn nuôi khác không?	A			
36	Có hệ thống phân loại, tách chất thải rắn và lỏng riêng biệt nhằm giúp cho việc xử lý được dễ dàng và đạt hiệu quả cao không?	A			
37	Có bán gia cầm chết ra thị trường không hay thải ra môi trường xung quanh không?	A			

38	Có hệ thống lọc, lắng chất thải rắn không? Có thải trực tiếp nước thải chưa qua xử lý ra môi trường không?	A			
9. Kiểm soát côn trùng, loài gặm nhấm và động vật khác					
39	Có biện pháp kiểm soát và lên kế hoạch thường xuyên diệt chuột, kiểm soát côn trùng và nguồn lây lan mầm bệnh theo hướng dẫn không?	B			
10. Quản lý nhân sự					
40	Người lao động làm việc trong trang trại có được hướng dẫn sử dụng các hóa chất độc hại và tập huấn về kỹ năng chăn nuôi không?	A			
41	Có tài liệu hướng dẫn về sơ cấp cứu và phổ biến kiến thức về sơ cấp cứu đến tất cả nhân viên của trại không?	A			
	Có quy trình thao tác an toàn nhằm hạn chế tối đa rủi ro do di chuyển hoặc nâng vác các vật nặng không?	A			
42	Trang bị bảo hộ lao động như ủng cao su, khẩu trang, găng tay, mũ, áo quần bảo hộ... có được trang bị cho công nhân làm việc trong trang trại không?	A			
43	Có đầy đủ đồ bảo hộ lao động cho khách tham quan (quần áo, giày ủng, nơi tắm rửa, khử trùng, thay quần áo) và nhật ký khách tham quan không?	B			
11. Ghi chép, lưu trữ hồ sơ, truy nguyên nguồn gốc và thu hồi sản phẩm					
44	Có ghi chép đầy đủ nhật ký chăn	A			

	nuôi, nhật ký về hoá chất, thức ăn chăn nuôi và mua bán sản phẩm và lưu trữ hồ sơ để việc truy xuất được dễ dàng khi cần thiết không?				
12. Kiểm tra nội bộ					
45	Có tiến hành kiểm tra nội bộ định kỳ mỗi năm một lần không?	A			
46	Bảng kiểm tra đánh giá nội bộ đã được ký chưa và có lưu trong hồ sơ không?	A			
13. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại					
47	Trang trại có sẵn mẫu đơn khiếu nại không? và có lưu giữ hồ sơ khiếu nại của khách hàng và phương pháp giải quyết không?	A			

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

**MẪU BIỂU GHI CHÉP
CỦA CƠ SỞ CHĂN NUÔI GIA CẦM
AN TOÀN THEO VIETGAHP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1504 /QĐ-BNN-KHCN ngày 15 tháng 5 năm 2008
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

Tên tổ chức/cá nhân:

Lứa chăn nuôi:

Năm:

PHẦN THỨ NHẤT: THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên cơ sở chăn nuôi:

2. Địa chỉ: Thôn:

Xã:

Huyện:

Tỉnh:

3. Điện thoại:

4. Tên giống gia cầm:

5. Mua tại cơ sở nào:

6. Ngày tháng bắt đầu nuôi:

7. Lứa tuổi lúc bắt đầu nuôi:

8. Số lượng (con):

9. Phương thức chăn nuôi:

10. Diện tích chuồng nuôi:

11. Kiểu chuồng nuôi:

12. Diện tích toàn bộ khu vực chăn nuôi:

PHẦN THỨ HAI: CÁC BIỂU MẪU GHI CHÉP

Biểu 1: Theo dõi ghi chép hàng ngày

Ngày, tháng, năm (1)	Số lượng gia cầm (con) (2)	Số lượng thức ăn (kg) (3)	Số lượng trứng(quả) (4)	Tình trạng gia cầm (5)	Số lượng loại thải, chết (con) (6)

Biểu 2: Theo dõi mua thức ăn chăn nuôi

Ngày, tháng, năm (1)	Tên thức ăn (2)	Số lượng (kg) (3)	Đơn giá (đồng/kg) (4)	Tên người, cửa hàng/đại lý bán và địa chỉ (5)

Biểu 3: Theo dõi mua nguyên liệu thức ăn chăn nuôi

Ngày, tháng, năm (1)	Tên nguyên liệu thức ăn (2)	Số lượng (kg) (3)	Đơn giá (đồng/kg) (4)	Tên người, cửa hàng/đại lý bán và địa chỉ (5)

Biểu 4: Theo dõi mua gia cầm giống

Ngày tháng năm	Số lượng mua (con)	Cơ sở bán	giống gia cầm	Ghi chú

Biểu 5: Theo dõi mua vaccin và thuốc thú y

Ngày, tháng, năm (1)	Tên vaccin và thuốc (2)	Số lượng (liều,kg, g, gói...) (4)	Giá (đồng/liều,kg, g, gói...) (5)	Tên người, cửa hàng/đại lý bán/nhà sản xuất và địa chỉ (6)	Cách bảo quản(để trong tủ lạnh, để bên ngoài...) (7)

Biểu 6: Theo dõi sử dụng vaccin và thuốc thú y

Ngày, tháng, năm (1)	Loại vaccin hoặc thuốc thú y (2)	Mã số, hạn sử dụng (3)	Cách sử dụng(tiêm, nhỏ, cho uống...) (4)	Liều lượng sử dụng (5)	Tình trạng gia cầm sau khi sử dụng (6)	Số lượng loại thải, chết (con) (7)

Biểu 7: Theo dõi sử dụng thuốc sát trùng

Ngày, tháng, năm (1)	Tên thuốc sát trùng (2)	Số lượng thuốc (3)	Diện tích phun (4)	Loại máy /dụng cụ phun (5)	Tên người phun (6)

Biểu 8: Theo dõi sức khỏe đàn gia cầm

Ngày, tháng, năm (1)	Số lượng (con) (2)	Triệu chứng (biểu hiện) (3)	Số lượng ốm (con) (4)	Số lượng chết (con) (5)	Nguyên nhân sơ bộ (6)

Biểu 9: Theo dõi mổ khám bệnh tích

Ngày, tháng, năm (1)	Số lượng (con) (2)	Thể trạng (béo, gầy, nhợt nhạt <input type="checkbox"/>) (3)	Da, dưới da (4)	Tim (xuất huyết, sần sùi <input type="checkbox"/>) (5)	Gan, lách (sưng, xuất huyết, có u <input type="checkbox"/>) (6)	Thận (sưng, xuất huyết, tích urat <input type="checkbox"/>) (7)	Ruột (viêm, xuất huyết <input type="checkbox"/>) (8)	Các bộ phận khác (9)	Sơ bộ kết luận nguyên nhân (10)

Biểu 10: Theo dõi xử lý xác gia cầm (đánh dấu X vào các ô)

Ng <input type="checkbox"/> y, tháng, năm (1)	Số lượng (con) (2)	Chôn (con) (3)	Đốt (con) (4)	Sử dụng làm thức ăn cho gia súc khác (5)	Vứt xuống ao hồ <input type="checkbox"/> (6)	Tên người xử lý (7)

Biểu 11: Theo dõi lấy mẫu xét nghiệm

Ng <input type="checkbox"/> y,	Mẫu xét	Lý do	Nơi gửi	Kết luận	Kế hoạch	Tên người

tháng, năm (1)	thử nghiệm (máu, cả con, nội tạng) (2)	gửi thử nghiệm (3)	thử nghiệm (4)	của cơ quan thử nghiệm (5)	kiểm soát (6)	lấy mẫu (7)

Biểu 12: Theo dõi xuất bán gia cầm giống, gia cầm thịt

Ngày, tháng, năm (1)	Loại sản phẩm (2)	Số lượng (con) (3)	Tổng khối lượng bán ra(kg) (4)	Tên người mua, địa chỉ (5)	Tên người bán (6)

Biểu 13: Theo dõi xuất bán trứng gia cầm

Ngày, tháng, năm (1)	Số lượng (quả) (3)	Tên người mua, địa chỉ (4)	(Tên người bán 5)

Biểu 13: Danh sách nhân công

Tên công nhân (1)	Số giấy chứng minh (2)	Địa chỉ (3)